



NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ
và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên như sau:

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1- Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, các cấp, các ngành trong tỉnh đã nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH-CN và ĐMST) và đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đạt kết quả tích cực, đóng góp của KH-CN và ĐMST vào tăng trưởng kinh tế thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đạt mức 32%. Năng lực khoa học và công nghệ (KH và CN) của tỉnh được nâng cao, hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST đã có nhiều chuyển biến, thị trường KH và CN từng bước hình thành. Hoạt động nghiên cứu KH và CN được triển khai trên các mặt của đời sống xã hội. Trong đó, chú trọng hoàn chỉnh một số luận cứ khoa học phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống văn hóa, lịch sử Phú Yên qua các thời kỳ; nghiên cứu lai tạo một số giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, thích ứng biến đổi khí hậu; chuyển giao một số công nghệ tiên tiến, công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp; sản xuất một số dược phẩm thay thế hàng nhập khẩu; phát triển một số nhãn hiệu hàng hóa đặc trưng của tỉnh có giá trị kinh tế cao... KH-CN và ĐMST đã có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2- Những hạn chế, yếu kém

- Hoạt động KH và CN nhìn chung chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động KH-CN và ĐMST chưa được chú trọng; cơ chế tài chính còn nhiều bất cập; đầu tư cho KH và CN nhìn chung còn thấp (giai đoạn 2016 - 2020 đạt 0,68% tổng chi ngân sách); quỹ phát triển KH và CN tỉnh chưa hình thành.

- Việc đào tạo, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ KH và CN chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; cơ chế quản lý hoạt động KH và CN có đổi mới nhưng còn chậm; công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển KH và CN gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội chưa được triển khai đồng bộ; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện các nhiệm vụ KH và CN chưa tốt, hiệu quả chưa cao.

- Thị trường KH và CN chưa phát triển; kết quả nghiên cứu ứng dụng gắn kết với nhu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý nhưng chưa nhiều; chưa có nhiều kết quả nghiên cứu KH và CN nổi bật được nhân rộng.

3- Nguyên nhân

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức KH và CN chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc vai trò, vị trí của KH và CN đối với phát triển kinh tế nhanh và bền vững; công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị chưa đúng mức; đầu tư cho phát triển KH và CN còn hạn chế, thiếu trọng tâm; chưa thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực KH và CN.

- Cơ chế, chính sách phát triển, ứng dụng KH và CN chưa đồng bộ. Thiếu cơ chế phù hợp với tính đặc thù của hoạt động trí tuệ, tạo động lực thúc đẩy phát triển, ứng dụng KH và CN.

- Mô hình tăng trưởng kinh tế của tỉnh chủ yếu theo chiều rộng, sử dụng lao động trình độ thấp, giá rẻ; trình độ công nghệ chưa phát triển, sản xuất chủ yếu sản phẩm thô, gia công, lắp ráp, không tạo được thị trường công nghệ để khuyến khích, thúc đẩy phát triển, ứng dụng KH và CN.

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Mục tiêu chung: Phát triển, ứng dụng KH và CN, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ; chú trọng đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chủ động, tích cực tham gia và ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực, nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên nhanh và bền vững.

2- Mục tiêu cụ thể

- Nâng tỷ lệ đóng góp của KH và CN vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đạt hơn 35% và tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao chiếm khoảng 10% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp vào năm 2025. Hoàn thành 90% các nhiệm vụ KH và CN đưa vào ứng dụng trong thực tiễn sản xuất và đời sống.

- Hoàn thành đến năm 2025, hình thành không gian KH và CN và chuyển đổi số, phục vụ chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số cho các tỉnh, khu vực Nam Trung

bộ, Tây Nguyên; sẵn sàng tiếp nhận, chuyển giao giữa các viện, trường, doanh nghiệp, cá nhân, đơn vị trên cơ sở hạ tầng, vật chất của Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ thuộc Sở Khoa học - Công nghệ; tổ chức sự kiện kết nối cung - cầu công nghệ.

- Hỗ trợ phát triển 10 dự án khởi nghiệp ĐMST, 05 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST. Hỗ trợ xây dựng ít nhất 05 doanh nghiệp KH và CN; ít nhất 01 doanh nghiệp về ứng dụng trí tuệ nhân tạo; 05 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Hỗ trợ khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho ít nhất 20 sản phẩm hàng hóa của tỉnh. Số văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp tăng ít nhất 50% so với giai đoạn 2016-2020. Thẩm định về công nghệ đối với 100% dự án đầu tư mới vào tỉnh, kiên quyết không cấp phép dự án sử dụng công nghệ hạn chế hoặc có nguy cơ tác động xấu đến môi trường.

- Tăng tỷ lệ cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 05-07 người/một vạn dân; hình thành 05 nhóm chuyên gia nghiên cứu KH và CN trên các lĩnh vực: nông nghiệp; công nghệ sinh học và môi trường; công nghệ thông tin; y dược; kỹ thuật cơ khí - chế tạo máy và điều khiển, tự động hóa.

- Phân đầu đến năm 2025, 100% tổ chức KH và CN công lập chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Xây dựng chương trình chuyển đổi số và khung kiến trúc chính quyền điện tử 2.0, phát triển hạ tầng mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

- Phân đầu bố trí ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ đạt 2% tổng chi hàng năm.

(Phụ lục 1 kèm theo).

3- Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

3.1- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển, ứng dụng KH và CN và ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội:

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và đội ngũ cán bộ, công chức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của KH và CN trong phát triển kinh tế - xã hội; về cơ hội và thách thức trước các xu thế hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, từ đó chủ động khai thác, tận dụng có hiệu quả thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển. Người đứng đầu các cấp, các ngành chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo phát triển, ứng dụng KH và CN để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của ngành, địa phương.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách phát triển KH-CN và ĐMST, trong đó tập trung hướng đến đội ngũ trí thức, học sinh, sinh viên, khơi dậy niềm đam mê khởi nghiệp của thế hệ trẻ, tạo sự lan tỏa trong xã hội. Kịp thời phát hiện, thông tin về những mô hình, điển hình, cách làm mới mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Gắn các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển, ứng dụng KH-CN và ĐMST với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp, từng ngành. Đưa phát triển, ứng dụng KH-CN và ĐMST là một nội dung trong kế hoạch phát triển của từng ngành, địa phương.

3.2- Đổi mới đồng bộ cơ chế, chính sách phát triển, ứng dụng KH-CN và ĐMST cả về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động:

- Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST của tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm; trường đại học, cao đẳng, tổ chức KH và CN là chủ thể chủ yếu trong phát triển, ứng dụng KH-CN và ĐMST; kết nối chặt chẽ Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh, các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc khơi dậy tinh thần khởi nghiệp ĐMST, thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, ứng dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong xã hội, góp phần hình thành lực lượng mới đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp cải tiến, đổi mới và phát triển công nghệ, ứng dụng thành tựu KH và CN; đẩy mạnh giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu có sử dụng ngân sách nhà nước; hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, nâng cao chuỗi giá trị các sản phẩm địa phương.

- Xây dựng cơ chế phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh với cơ quan Trung ương trong việc tham mưu, đề xuất, thực hiện, nhân rộng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH-CN và ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Rà soát, nghiên cứu sửa đổi quy định về quản lý các nhiệm vụ KH và CN sử dụng ngân sách nhà nước bảo đảm chặt chẽ, theo hướng xác định rõ nguồn ngân sách, định mức chi, thủ tục thanh quyết toán, phương pháp khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc từng phần để tạo điều kiện cho các cấp, các ngành chủ động triển khai thực hiện.

- Chú trọng hướng dẫn khai thác Quỹ phát triển KH và CN Quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia; xem xét hình thành Quỹ phát triển KH và CN của tỉnh khi có đủ điều kiện theo quy định. Khuyến khích tăng số lượng, quy mô và sử dụng có hiệu quả các Quỹ phát triển KH và CN trong các doanh nghiệp; đẩy mạnh hợp tác công - tư trong thực hiện các nhiệm vụ về KH và CN.

- Xác định danh mục các sản phẩm mới, sản phẩm công nghệ cao khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các nhiệm vụ KH và CN sử dụng

ngân sách nhà nước. Chú trọng thực hiện tốt công tác thẩm định trình độ công nghệ; giám sát, khuyến nghị xử lý kịp thời các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh còn sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

3.3- Nâng cao tiềm lực KH-CN và ĐMST của tỉnh trên cả 4 yếu tố cơ bản: nhân lực, tổ chức, cơ sở vật chất và vốn đầu tư:

- *Tập trung phát triển nhân lực KH-CN và ĐMST.* Xây dựng khung chính sách thu hút nguồn nhân lực trong các cơ quan Nhà nước và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong thu hút nguồn nhân lực KH và CN.

Đẩy mạnh thu hút và trọng dụng nguồn nhân lực KH và CN chất lượng cao; có chế độ, chính sách ưu tiên tuyển dụng các nhà khoa học trẻ tài năng vào các tổ chức KH và CN công lập, cơ quan nhà nước; xây dựng mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia giỏi trong, ngoài tỉnh và quốc tế sẵn sàng tham gia giải quyết các vấn đề KH-CN và ĐMST. Tăng cường hợp tác với các tổ chức KH và CN trong và ngoài nước trong khai thác, tiếp nhận công nghệ từ nơi khác để rút ngắn khoảng cách, nâng cao trình độ KH và CN trên địa bàn tỉnh; tổ chức hiệu quả các cuộc thi, hội thi, các giải thưởng sáng tạo KH và CN, phát hiện và tôn vinh kịp thời các tổ chức, cá nhân có phát minh, sáng chế, công trình khoa học đem lại hiệu quả cao.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành KH và CN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; quy hoạch, luân chuyển và tạo điều kiện cho cán bộ KH và CN phát huy tối đa năng lực, sở trường công tác. Có chính sách khuyến khích cán bộ làm công tác KH và CN thường xuyên nghiên cứu nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật thông tin, nắm bắt xu hướng KH và CN trên thế giới.

Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước về KH và CN các cấp. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng tư vấn KH và CN các cấp, các ngành.

- *Chú trọng phát triển các tổ chức, doanh nghiệp KH và CN.* Tiếp tục rà soát, sắp xếp hợp lý các tổ chức KH và CN của các ngành, các trường đại học, cao đẳng theo hướng tự chủ, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí hoạt động cho các tổ chức KH và CN công lập thông qua việc giao thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ KH và CN các cấp và nhiệm vụ khác.

Xây dựng chính sách hỗ trợ phù hợp tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp KH và CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, dự án khởi nghiệp ĐMST, doanh nghiệp công nghệ thông tin.

- *Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu, ứng dụng KH-CN và ĐMST.* Đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho một số trung tâm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của các ngành và trường đại học, cao đẳng có năng lực trong

nghiên cứu - triển khai. Quan tâm ưu tiên đầu tư cho Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ thuộc Sở Khoa học - Công nghệ trở thành đơn vị chủ lực, cùng với các đơn vị sự nghiệp đẩy mạnh phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số và ĐMST, kết nối cung - cầu công nghệ khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên phù hợp yêu cầu thực tiễn theo hướng ưu tiên công tác nghiên cứu, chuyển giao KH và CN trong sản xuất nông nghiệp.

Xây dựng hình thành sàn giao dịch công nghệ (*thật, ảo*) của tỉnh kết nối với các sàn giao dịch công nghệ quốc gia, sàn giao dịch một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... để hỗ trợ đổi mới công nghệ của doanh nghiệp và phát triển thị trường KH và CN.

- *Đẩy mạnh đầu tư từ ngân sách và tích cực huy động các nguồn lực xã hội phát triển, ứng dụng KH-CN và ĐMST.* Tăng dần tỷ lệ chi ngân sách cho KH-CN và ĐMST, phấn đấu đạt mức 2%, bao gồm ngân sách Trung ương từ các chương trình cấp Nhà nước; tăng mức đầu tư của xã hội cho hoạt động KH-CN và ĐMST.

Lòng ghép có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước trong các chương trình, dự án, nhiệm vụ để phát triển KH-CN và ĐMST. Khuyến khích việc huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển KH-CN và ĐMST thông qua đầu tư của doanh nghiệp, nhà nước thuê dịch vụ, hình thức hợp tác công - tư. Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tham gia các chương trình, dự án KH-CN và ĐMST của Trung ương, các tổ chức quốc tế triển khai trên địa bàn tỉnh.

3.4- Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng KH-CN và ĐMST, chuyển đổi số, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội:

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình ứng dụng KH-CN và ĐMST trọng điểm giai đoạn 2021-2025, cụ thể: (1) Phát triển tiềm lực KH-CN và nâng cao năng lực ĐMST; (2) Ứng dụng KH và CN phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, xây dựng nông thôn mới; (3) Đổi mới công nghệ, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa; (4) Ứng dụng thành tựu KH và CN trong y dược phục vụ nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng; (5) Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; (6) Ứng dụng KH và CN phục vụ bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (*Phụ lục 2 kèm theo*).

- Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống cơ sở dữ liệu nền tảng các lĩnh vực, ngành, trong đó ưu tiên lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục...; kế thừa

kết quả đạt được trong triển khai Chính quyền điện tử, xây dựng khung kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0, phát triển hạ tầng mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án tạo ra sản phẩm mới, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn. Chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng các vùng nông nghiệp đáp ứng các tiêu chí được công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định.

3.5- Xây dựng và phát triển nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống truy xuất nguồn gốc:

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và phát triển nhãn hiệu đối với sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCOP...; đồng thời áp dụng các hệ thống, công cụ quản lý chất lượng tiên tiến. Hỗ trợ các địa phương xây dựng và khai thác tốt chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể đối với các sản phẩm, đặc sản địa phương và phát triển thị trường tiêu thụ.

- Xây dựng, đưa vào vào hoạt động Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa có tích hợp phần mềm kết nối cung - cầu các sản phẩm của tỉnh, kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia. Thực hiện hiệu quả việc quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên địa bàn tỉnh vào năm 2024.

3.6- Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về KHCN và ĐMST:

- Tích cực phối hợp, liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu đầu ngành trong nước, quốc tế và một số địa phương như: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Quảng Ninh, Bình Định, Khánh Hòa... để chuyển giao công nghệ, thực hiện một số nhiệm vụ KH và CN trực tiếp giải quyết các vấn đề cấp bách, phù hợp với điều kiện của tỉnh trên các lĩnh vực như: Năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; bảo vệ môi trường; cơ khí, chế tạo máy phục vụ phát triển nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ; trao đổi, đào tạo nguồn nhân lực KH và CN, xây dựng luận cứ khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Hỗ trợ các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST sử dụng dịch vụ của Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST quốc gia. Thu hút cố vấn, chuyên gia, nhà đầu tư khởi nghiệp ĐMST có uy tín ở trong nước, nước ngoài hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST trên địa bàn tỉnh.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Đảng đoàn HĐND tỉnh căn cứ Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo HĐND tỉnh nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách về phát triển, ứng dụng KHCN và ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện; đồng thời giám sát thực hiện.

2- Ban Cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể hóa triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo phù hợp, hiệu quả; quan tâm việc bố trí ngân sách cho hoạt động KHCN và ĐMST theo quy định. Thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

3- Các cấp ủy đảng, chính quyền, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị mình; hoàn thành trong quý III năm 2021.

4- Các ban đảng Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy những nội dung có liên quan. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng hệ thống tuyên giáo và các cơ quan thông tin truyền thông lựa chọn những nội dung cơ bản của Nghị quyết để tuyên truyền, định hướng, động viên các cấp ngành, địa phương, cán bộ, đảng viên, nhân dân tích cực tham gia thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Các ban đảng Trung ương,
- BCSD Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Các vụ địa phương và cơ quan thường trực các ban đảng Trung ương theo dõi địa bàn,
- Các ban đảng, BCS đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Phạm Đại Dương

Phụ lục 1
CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2020-2025
1	Tỷ lệ cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	người/vạn dân	03 - 04	04 - 05	05 - 07
2	Xây dựng được nhóm chuyên gia nghiên cứu khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực	nhóm	01	01	05
3	Hỗ trợ xây dựng mới doanh nghiệp KH và CN	doanh nghiệp	02	03	05
4	Hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST	dự án/doanh nghiệp	0	0	10/05
5	Tỷ lệ đóng góp của hoạt động KH&CN và ĐMST thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP)	%	31.75	32	≥ 35
6	Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động KH&CN và ĐMST	%	0,71 - 0,82	0,68	2
7	Văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp	văn bằng	202	212	318
8	Các nhiệm vụ KH và CN đưa vào ứng dụng trong sản xuất đời sống	%	60%	60%	90%
9	Doanh nghiệp công nhận doanh nghiệp Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp KH và CN	doanh nghiệp	01	01	05

Phụ lục 2

CÁC CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Chương trình 1: Phát triển tiềm lực KHCN và nâng cao năng lực ĐMST

1- Mục tiêu: Đầu tư phát triển tiềm lực KHCN và ĐMST nhằm nâng cao năng lực phát triển, ứng dụng các tiến bộ KH và CN. Trong đó, tập trung vào củng cố, phát triển hệ thống tổ chức KH và CN; đẩy mạnh hình thành và phát triển hệ thống doanh nghiệp KH và CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.

2- Kết quả: (1) Hình thành không gian ĐMST và chuyển đổi số vào năm 2025 phục vụ chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số cho tỉnh, khu vực; (2) Hình thành sàn giao dịch công nghệ; (3) Chương trình/hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu các nhà khoa học, chuyên gia thuộc các lĩnh vực; (4) Thành lập 05 doanh nghiệp KH và CN, 05 doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, trong đó 01 doanh nghiệp công nghệ thông tin ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

3- Nhiệm vụ chính:

- Củng cố, phát triển hệ thống tổ chức KH và CN trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 theo hướng tinh gọn, hiệu quả, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Xây dựng và phát triển thị trường KHCN và ĐMST, đẩy mạnh kết nối cung - cầu công nghệ, chuyển giao KHCN và ĐMST. Xây dựng Sàn giao dịch công nghệ tỉnh Phú Yên trước mắt, đưa sàn giao dịch công nghệ ảo, thật vào hoạt động trong năm 2022.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại cho Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành không gian ĐMST và chuyển đổi số trên cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất của Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ...

- Xây dựng chính sách, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp KH và CN, khởi nghiệp ĐMST, công nghệ thông tin; hỗ trợ thành lập tổ chức KH và CN, phòng thí nghiệm; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các phòng thí nghiệm, thử nghiệm của doanh nghiệp KH và CN, khởi nghiệp ĐMST, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống thông tin, thông kê KHCN và ĐMST; phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu các nhà khoa học, chuyên gia thuộc các lĩnh vực.

- Nghiên cứu các chính sách, chương trình, đề án nâng cao năng lực KHCN và ĐMST, ưu tiên lĩnh vực chế biến - chế tạo, tạo đòn bẩy quan trọng từ vốn đầu tư, cơ hội tiếp cận thị trường công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ và xây dựng thương hiệu.

Chương trình 2: Ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh và xây dựng nông thôn mới

1- Mục tiêu: Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2- Kết quả: (1) Chọn tạo ít nhất 02-03 giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ; (2) Tuyển chọn được 3-5 giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao; (3) Làm chủ ít nhất công nghệ sản xuất 2 giống thủy sản có giá trị kinh tế cao; (4) Ít nhất 01 sản phẩm nông nghiệp được công nhận sáng chế/giải pháp hữu ích; (5) Ít nhất 01 giống/sản phẩm/quy trình sản xuất/giải pháp kỹ thuật/giải pháp quản lý trong nông nghiệp được công nhận là tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp; (6) Ít nhất 01 mô hình ứng dụng các công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất nông nghiệp; (7) Bảo tồn và khai thác ít nhất 02 nguồn gen có giá trị kinh tế; (8) Sản xuất ít nhất 02 chế phẩm sinh học.

3- Nhiệm vụ chính:

- Nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm và ứng dụng rộng rãi giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật về giống, hệ thống canh tác, quản lý dịch bệnh, tạo ra chuỗi sản xuất hợp lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và bảo vệ môi trường. Nghiên cứu, sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học trong sản xuất, nhất là trong sản xuất cây dược liệu và cây rau màu; sản xuất, sử dụng các chế phẩm sinh học xử lý phụ phẩm nông nghiệp; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tập trung, quy mô lớn.

- Ứng dụng công nghệ di truyền để chọn lọc giống, tạo giống chất lượng và bảo tồn nguồn gen; sản xuất giống mới có năng suất, chất lượng cao. Nâng tỷ lệ cơ giới hóa, phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị, quy trình VietGAP.

- Nghiên cứu làm chủ công nghệ tiên tiến sản xuất giống thủy sản; ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao nuôi trồng theo hướng thâm canh; đẩy mạnh hình thức nuôi lồng, bè trên biển, các mô hình nuôi kết hợp bảo vệ môi trường. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cấp đông bảo đảm chất lượng hải sản đánh bắt trên biển.

- Ứng dụng công nghệ sản xuất, nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô. Nghiên cứu thử nghiệm, khảo nghiệm một số cây lâm nghiệp mới có giá trị kinh tế cao gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển rừng sản xuất gỗ lớn có giá trị kinh tế cao gắn với chế biến. Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong lâm nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sau thu hoạch giảm thiểu tỷ lệ thất thoát, nâng cao giá trị sản phẩm, tập trung công nghệ làm khô lúa và hoa màu; công nghệ bảo quản lạnh, công nghệ an toàn thực phẩm. Hiện đại hóa hệ thống kiểm tra chất lượng nông sản phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất nông nghiệp: (1) Ứng dụng các thiết bị cảm biến, thông minh điều khiển tự động quá trình sản xuất nông nghiệp; (2) Ứng dụng công nghệ đèn LED trong canh tác để tối ưu hóa quá trình sinh trưởng; (3) Canh tác trong nhà kính, nhà lưới, sử dụng công nghệ thủy canh, khí canh; (4) Ứng dụng các thiết bị năng lượng mặt trời nhằm sử dụng hiệu quả không gian, giảm chi phí trong sản xuất nông nghiệp; (5) Sử dụng các thiết bị bay không người lái khảo sát, thu thập, phục vụ quản lý sản xuất; (6) Ứng dụng quy trình quản lý phục vụ kết nối các hoạt động từ trang trại với bên ngoài (quản lý sản phẩm theo chuỗi giá trị; truy xuất nguồn gốc....).

Chương trình 3: Đổi mới công nghệ, ứng dụng thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

1- Mục tiêu: Chuyển đổi cơ cấu sản xuất, hình thành và phát triển ngành nghề mới, thay đổi phương thức lao động, sản xuất truyền thống; cải thiện điều kiện và môi trường lao động, sản xuất. Phát triển công nghệ đạt trình độ cao hơn; Ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ chủ chốt của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tạo ra sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao cho các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh.

2- Kết quả: (1) Ít nhất 01 sản phẩm phần mềm trí tuệ nhân tạo; (2) 01 sản phẩm (cơ khí, chế tạo/quy trình CN/giải pháp kỹ thuật) được công nhận sáng chế/giải pháp hữu ích; (3) Ít nhất 01 sản phẩm mới được sản xuất thử nghiệm; (4) Ít nhất 01 công nghệ ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được chuyển giao.

3- Nhiệm vụ chính:

- Hỗ trợ chuyển đổi số cho các nhà máy sản xuất quy mô lớn theo hướng nhà máy thông minh (smart factory). Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nông lâm, thủy sản được tích hợp thông tin vào mã QR Code phục vụ truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Phát triển cơ sở hạ tầng mạng thông tin di động trên cơ sở ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiên tiến như 5G, LTE...

- Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới công nghệ về bảo quản, chế biến sản phẩm nông thủy sản có giá trị đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu theo hướng ứng dụng công nghệ cao và tự động hóa.

Chương trình 4: Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong y dược, nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng

1- Mục tiêu: Xây dựng tiềm lực y tế tỉnh Phú Yên từng bước phát triển, tiến dần đến trình độ y tế các thành phố lớn trong nước để phục vụ nhu cầu chăm sóc và điều trị bệnh của nhân dân trong và ngoài tỉnh.

2- Kết quả đạt được chủ yếu: (1) Tiếp nhận và làm chủ được ít nhất 3-5 kỹ thuật cao, kỹ thuật tiên tiến mới trong chẩn đoán và điều trị; (2) Sản xuất được ít nhất 01 sản phẩm thuốc đông dược/thực phẩm chức năng; (3) Hệ thống hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử; (4) Nghiên cứu được ít nhất 02 sản phẩm thuốc tương đương điều trị.

3- Nhiệm vụ chính:

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị, tập trung vào các dịch vụ y tế có hàm lượng trí tuệ cao, có tiềm năng phát triển trong lĩnh vực xét nghiệm, chuẩn đoán, phẫu thuật điều trị.

- Triển khai mô hình y tế từ xa; giảm tải, tạo cân bằng người bệnh giữa tuyến trên - tuyến dưới; tăng cường năng lực chuyên môn tuyến dưới và kết nối mạng lưới các bệnh viện.

- Xây dựng hệ thống hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử, bảo đảm mỗi người dân được lưu trữ trong hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử từ cơ sở đến quốc gia; triển khai thực hiện dự án thuê hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế (PACS) tại các bệnh viện công lập.

- Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, công nghệ sinh học trong lĩnh vực y tế dự phòng các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, các bệnh mới phát sinh.

- Tiếp tục phát triển các kỹ thuật chẩn đoán và điều trị chuyên sâu mang tính mũi nhọn; các kỹ thuật điều trị tim mạch chất lượng cao; triển khai phẫu thuật ít xâm lấn, vi phẫu thuật và phát triển các kỹ thuật hiện đại.

- Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử, bảo đảm chẩn đoán và điều trị kỹ thuật chuyên sâu đạt tiêu chuẩn ISO.

- Nghiên cứu sản xuất một số loại thuốc, các loại dược liệu y học cổ truyền, nguyên liệu làm thuốc kháng sinh, vitamin và thực phẩm chức năng.

Chương trình 5: Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

1- Mục tiêu: Cung cấp cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn nhằm khai thác các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về du lịch, giáo dục, văn hóa, con người; cung cấp luận cứ cho việc hoạch định chiến lược, xây dựng chính sách, quyết định, chủ trương và biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2- Kết quả: (1) Ít nhất 05 báo cáo chuyên đề, giải pháp, mô hình dự báo; (2) bộ cơ sở dữ liệu số hóa ngành du lịch phục vụ phát triển du lịch; (3) 03 sản phẩm phi vật thể được bảo tồn; (4) 01 chính sách hỗ trợ được ban hành.

3- Nhiệm vụ chính:

- Xây dựng chính quyền các cấp kiến tạo, phục vụ; rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Nghiên cứu bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống - lịch sử - văn hoá của Phú Yên; đề xuất giải pháp quản lý, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình, giải pháp phát triển kinh tế nhanh và bền vững; thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; các vấn đề về kinh tế vùng và các vùng kinh tế; các loại hình tổ chức kinh tế.

- Nghiên cứu, điều tra khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp về chính sách, môi trường đầu tư..., các vấn đề về tiềm năng thế mạnh và môi trường đầu tư của Phú Yên.

- Nghiên cứu các vấn đề, cơ chế, chính sách đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Nghiên cứu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực phù hợp yêu cầu phát triển các ngành, các lĩnh vực, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế.

- Nghiên cứu phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch có tiềm năng, lợi thế, chất lượng cao, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Số hóa ngành du lịch theo hướng nền kinh tế số và đô thị thông minh.

Chương trình 6: Ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu

1- Mục tiêu: Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai; tạo bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý, hiệu quả và bền vững; kiểm soát ô nhiễm môi trường và suy giảm đa dạng sinh học.

2- Kết quả: (1) Tiếp nhận ít nhất 01 công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường; (2) 01 công nghệ sản xuất có sử dụng phế phụ phẩm, năng lượng tái tạo; (3) 01 giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu; (4) 02 mô hình dự báo thiên tai.

3- Nhiệm vụ chính:

- Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật tiên bộ mới trong xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm, điểm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

- Nghiên cứu, nhân rộng mô hình xử lý nước thải y tế, công nghiệp, chế biến nông, lâm, hải sản, sinh hoạt đô thị; xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại; tái sử dụng, tái chế và sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải.

- Dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường; Ứng dụng các giải pháp xanh kết hợp bảo vệ bờ biển với phát triển du lịch ven biển bền vững.

- Nghiên cứu bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là vùng gần bờ và phát triển các nguồn gen quý hiếm.

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn các hồ chứa nước, kè biển; phục hồi rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, đầu nguồn. Bảo vệ nguồn nước, tăng cường quản lý nguồn nước theo lưu vực sông.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên theo hướng hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô, thúc đẩy chế biến sâu.

*** Nguồn vốn thực hiện 06 chương trình:** Vốn sự nghiệp KH và CN của bộ, ngành Trung ương, địa phương và các nguồn vốn khác.